|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn**: 22/**2/2025** | **Sĩ số HS** | **Điều chỉnh** | **Ngày: 24/2/2025**  **Phê duyệt kế hoạch**  **Cao Phương Thảo** |
| **Ngày giảng :** |
| **6A1: 27/2/2025** |  |  |

**Tuần 23 Bài 7**

**Tiết 90: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Tr.35)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- HS hiểu nghĩa của từ ngữ trong văn bản, đặc biệt là hiểu các sắc thái ý nghĩa của từ ngữ (động từ, cụm động từ) trong việc thể hiện các thông điệp của văn bản hay biểu đạt dụng ý của người dùng.

- Củng cố kiến thức và thực hành sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ.

**1.2. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất:**

Chăm chỉ: Vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS quan sát, lắng nghe để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu quan sát lắng nghe vi deo bài hát “Ngày tế quê em” và trả lời câu hỏi: Cảm nhận không khí tết cổ truyền của dân tộc được thể hiện trong bài hát?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS QS lắng nghe và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, dẫn vào bài | - Không khí ngày tết trong bài hát: tưng bừng, rộn rã  - GV bố sung: Lí do khiến cho bài hát có KK trên:  + Các từ, cụm từ đặc biệt là các động từ, cụm động từ thể hiện các hoat động diễn ra trong những ng tết.  + BPTTĐiệp ngữ nhấn mạnh không khí tết diễn ra trên khắp mọi nẻo đường quê hương đất nước và tình cảm trân quý, lòng tự hào về TT văn hoá tốt đẹp của DT. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về nghĩa của từ, phép tu từ điệp ngữ**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xác định nghĩa của từ, phép điệp ngữ

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV củng cố kiến thức về giải nghĩa từ, (sắc thái ý nghĩa ĐT, cụm ĐT), biện pháp tu từ đặt câu hỏi:  *+ Nhắc lại cách giải thích nghĩa của từ ngữ đã học?*  *+ Nhắc lại khái niệm điệp ngữ? và tác dụng? Công dụng của phép điệp ngữ?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Ôn tập lí thuyết**  **1. Nghĩa của từ**  **Cách giải thích nghĩa của từ:**  + Dựa vào từ điển  + Dựa vào những từ ngữ xung quanh để **suy đoán** nghĩa của từ ngữ  **2. Biện pháp tu từ:**  Điệp ngữ và tác dụng |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. (Vận dụng cách suy đoán nghĩa đã học hoặc dựa vào từ điển).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận **cặp đôi** và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS làm bài tập 2.**  a. GV hướng dẫn HS: tìm động từ hoặc cụm động từ thể hiện sự khác biệt về ngôn ngữ, ứng xử giữa vợ chồng người em và vợ chồng người anh trong cùng một hoàn cảnh, từ đó chỉ ra sự khác biệt giữa các nhân vật.  b. GV hướng dẫn HS tra cứu, suy nghĩ và giải thích nghĩa của những động từ, cụm động từ đã tìm được, tập trung vào những từ, cụm từ khó, hay.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận nhóm, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận **nhóm** và hoàn thành nội dung vào phiếu học tập (**mỗi tổ là 1 nhóm, nhóm trưởng là tổ trưởng, thời gian: 3 phút)**  Dự kiến sản phẩm: **Phiếu học tập các nhóm.**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS **đại diện nhóm trình bày** sản phẩm thảo luận các nhóm còn lại qs, lắng nghe và nhận xét  + GV gọi đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức (chiếu kết quả, 2 nhóm còn lại trao đổi bài đối chiếu đáp án trên bảng chữa bài cho nhóm bạn)  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu Giải nghĩa một số động từ, cụm động từ tìm được trong ý a: **Tót, mê mẩn, nghe lời chim.**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS suy nghĩ trả lời**  + HS trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong bài 3 trang 36  Dưới hình thức trò chơi « Ai nhanh hơn »  **- GV phổ biến luật chơi :**  + Có 2 đội chơi mỗi đội gồm 3 thành viên . Hai đội bốc thăm đội nào bốc số 1 sẽ giành quyền tham gia trước.  + Trò chơi gồm bốn câu hỏi. Mỗi đội trả lời hai câu, mỗi câu đúng được 10 điểm. Tổng số điểm tối đa 20 điểm, trả lời sai không có điểm và quyền trả lời thuộc đội khác.  + Thời gian thực hiện mỗi câu hỏi là 10 giây.  + Kết thúc trò chơi đội nào có số điểm cao hơn sẽ giành chiến thắng  + Nếu hai đội bằng điểm nhau sẽ phải tham gia trả lời câu hỏi phụ đội nào trả lời đúng đội đó giành chiến thắng.Đội nào giơ tay nhanh hơn đội đó sẽ giành quyền trả lời trước.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS các đội thảo luận và hoàn thành phần trả lời 2 câu hỏi của đội mình  Dự kiến sản phẩm:  **Đội 1**  **Câu hỏi 1: Tìm biện pháp tu từ trong câu sau:**  *Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy.* ***Chọn câu trả lời đúng nhất?***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **A.Điệp ngữ** | B. So sánh | C. Ẩn dụ | D. Nhân hoá |   ***Câu 2: Tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong câu:*** *Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy****).*** *Chọn câu trả lời đúng nhất?*   |  | | --- | | A. Thấy rõ tài năng của Thạch Sanh | | **B. Nhấn mạnh hành động “ăn”: *ăn mãi, ăn mãi* nghĩa là ăn rất lâu, và rất nhiều như thể không bao giờ dừng** | | C. Nhấn mạnh sự thần kỳ của niêu cơm | | D. Thạch Sanh ăn rất khoẻ |   **Đội 2**  **Câu hỏi 1: Tìm biện pháp tu từ trong câu sau?**  *Chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả.* ***Chọn câu trả lời đúng nhất?***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A.Nhân hoá | B. Ẩn dụ | **C. Điệp ngữ** | D. So sánh |   **Câu 2: Tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong câu:**  Chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả. **Chọn câu trả lời đúng nhất?**   |  | | --- | | **A. Nhấn mạnh hành động “bay”: “*bay mãi, bay mãi”* có nghĩa là bay rất xa, rất lâu; ý rất xa còn nhấn mạnh thêm ở điệp ngữ *“hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả”* nghĩa là khoảng không gian cứ nối tiếp nhau tưởng như vô tận** | | B. Đồng ruộng thẳng cánh cò bay | | C. Rừng xanh bạt ngàn | | D. Nhấn mạnh biển cả bao la |   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình các đội chơi trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, Công bố số điểm của các đội, công bố đội giành chiến thắng.  **CÂU HỎI PHỤ (yêu cầu bài tập 4)**  + Nếu hai đội có số điểm = nhau. GV yêu cầu trả lời cau hỏi phụ.Nếu đã có dội thắng câu hỏi này giành cho khán giả  **? Đặt một câu có sử dụng BPTT Điệp ngữ?**  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gợi ý trả lời CÂU HỎI PHỤ (bài tập 4.):  - Nghĩ đến một sự vật, hoạt động, đặc điểm nào đó mà em muốn nói đến và nhấn mạnh, từ đó viết 1 câu theo yêu cầu của bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  GV chuẩn kiến thức. Thông báo kết quả hai đội. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1/ trang 35**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Từ ngữ** | | ***Ý nghĩa*** | | **a** | **(xanh) mơn mởn** | Xanh non và tươi tốt. | | | **lúc lỉu** | (trạng thái) Nhiều quả trên khắp các cành | | | **b** | **ròng rã** | (thời gian) Kéo dài liên tục | | | **vợi hẳn** | Giảm đi (bớt đi) đáng kể | |   **Bài 2/ trang 35**   1. **Phiếu học tập**  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Sự kiện** | **Vợ chồng người em** | | | **ĐT, CĐT** | **Đặc điểm** | | Chuẩn bị theo ra đảo | **Nghe** lời chim, **may** một túi 3gang | Từ tốn, biết điểm dừng | | Lên lưng chim để ra đảo | **Trèo** lên lưng | Ôn tồn, bình tĩnh | | Lấy vàng bạc trên đảo | Không dám **vào**, chỉ dám **nhặt ít** | Cẩn trọng, từ tốn, không tham lam |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Sự kiện** | **Vợ chồng người anh** | | | **ĐT, CĐT** | **Đặc điểm** | | Chuẩn bị theo ra đảo | Cuống quýt **bàn cãi may túi, định may** nhiều cái túi | Tham lam, nôn nóng | | Lên lưng chim để ra đảo | **Tót** ngay lên lưng | Vội vã, sỗ sàng, thô lỗ | | Lấy vàng bạc trên đảo | Hoa mắt vì của quý, **mê mẩn tâm thần,** **quên đói, quên** khát, lấy thêm, cố nhặt vàng và kim cương | Tham lam vô độ, mất hết lí trí |   **\* Nhận xét:** Ng anh tham lam vô độ, mất hết lí trí, người em cẩn trọng, tự tin, ko tham lam.  **b. Nghĩa một số động từ, cụm động từ:**  **- Tót:** Di chuyển tới một nơi khác = động tác rất nhanh, gon, đột ngột  **- Mê mẩn tâm thần:** Tâm trí, tinh thần ko còn tỉnh táo hoặc quá say mê đến mất bình tĩnh  **- Nghe lời chim:** Lắng nghe và làm theo chỉ dẫn củachim  ...  **2. Biện pháp tu từ**  **Bài 3/ trang 36**  **Trò chơi « Ai nhanh hơn »**  **ĐỘI 1**  **Câu hỏi 1**   1. **Điệp ngữ**   **(ăn mãi... ăn mãi)**  **Câu 2 B.Tác dụng:** Nhấn mạnh hành động “ăn”: *ăn mãi, ăn mãi* nghĩa là ăn rất lâu, và rất nhiều như thể không bao giờ dừng  **ĐỘI 2**  **Câu hỏi 1**  **C. Điệp ngữ**  (bay mãi... bay mãi, hết.... đến, hết... đến)  **Câu 2: Tác dụng**:  **A.** **Nhấn mạnh hành động “bay”:** *bay mãi, bay mãi là:* ***B*ay rất xa, rất lâu; ý rất xa còn nhấn mạnh thêm ở điệp ngữ *“hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả”* nghĩa là khoảng không gian cứ nối tiếp nhau tưởng như vô tận**  **Bài 4/ trang 36**  **CÂU HỎI PHỤ**  ***Câu hỏi 1: Đặt câu có sử dụng cụm từ“đợi mãi” làm biện pháp tu từ điệp ngữ?***  - HS tự đặt câu  *Ví dụ: Cô bé****đợi mãi, đợi mãi****mà vẫn chưa thấy ba mẹ đến đón.*  ***Câu hỏi 2: Đặt câu có sử dụng từ “làm” làm biện pháp tu từ điệp ngữ?***  - HS tự đặt câu  *Ví dụ:* Bài tập này khó quá mình **làm** đi, **làm** lại vẫn chưa xong. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (3-5 câu) chủ đề về thiên nhiên, trong đó có sử dụng phép tu từ điệp ngữ? (nếu hết thời gian GV cho HS về nhà viết).

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

***Gợi ý:***

Bầu trời đang trong xanh không một gợn mây, bỗng từ đâu mây đen ùn ùn kéo đến làm đen kịt cả một góc trời. Bồm bộp, mưa rơi trên mái nhà, mưa ào ào rơi xuống sân rồi mưa ầm ầm như thác đổ. Cả không gian chìm ngập trong một màu trắng xóa. Một lát sau mưa tạnh hẳn, bầu trời trở lại tươi sáng.

- GV hướng dẫn học ở nhà: Sưu tầm truyện cổ tích để đọc. vẽ sơ đồ tư duy về truyện, hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng một nhân vật trong truyện.

- Hoàn thành bài tập vào vở bài tập.

- Chuẩn bị: đọc, soạn VB “Vua chích chòe”.

**Phụ lục:**

* **PHIẾU HỌC TẬP (**BÀI 2 Ý A).

**NHÓM :...........................................**

*Những động từ, cụm động từ thể hiện sự khác biệt về hành động giữa vợ chồng người em và vợ chồng người anh:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Sự kiện*** | ***Vợ chồng******người em*** | | ***Vợ chồng******người anh*** | |
| ***Động từ***  ***Cụm động từ*** | ***Đặc điểm*** | ***Động từ***  ***Cụm động từ*** | ***Đặc điểm*** |
| ***Chuẩn bị theo chim ra đảo*** |  |  |  |  |
| ***Lên lưng chim ra đảo*** |  |  |  |  |
| ***Lấy vàng bạc trên đảo*** |  |  |  |  |